

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Quản trị doanh nghiệp  
(Enterprise Administration)**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**  
Mã ngành: **52340101**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy (Liên thông từ Cao đẳng)**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Đại học Quản trị doanh nghiệp liên thông từ Cao đẳng chính quy nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những biến đổi trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện để giải quyết các vấn đề về: quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, quản trị chiến lược,... để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và tổ chức công tác quản trị sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

- Phân tích, lựa chọn mô hình quản trị; thực hiện được các chức năng, lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp;
- Lập, tổ chức thực hiện và điều chỉnh được các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;

- Khai thác, thu thập, phân tích và tổng hợp được các số liệu, dữ liệu để làm căn cứ ra quyết định quản trị của doanh nghiệp;
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đàm phán, lãnh đạo và làm việc theo nhóm; kỹ năng viết, trình bày và giải quyết vấn đề đặt ra;
- Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin và một số phần mềm quản trị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được vai trò quan trọng của công tác quản trị và nhà quản trị trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc cung cấp thông tin cho các nhà quản lý;
- Rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc, tinh thần phối hợp và hợp tác trong công việc;
- Ý thức trách nhiệm của bản thân đối với phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Tích cực, chủ động sáng tạo trong công việc; không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Quản trị kinh doanh làm việc được ở các vị trí: giám đốc điều hành hoặc chuyên viên tại các phòng chức năng của các doanh nghiệp; trợ lý cho các nhà quản lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giáo viên giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC.

**2. Thời gian đào tạo:** 1.5 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 47 tín chỉ, học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (2 đvht) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>8</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>33</b>	<b>6</b>	<b>39</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	5	4	9
2.2	Kiến thức ngành	16	2	18
2.3	Thực hành, thực tập	4		4
2.4	Khóa luận tốt nghiệp	8		8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39</b>	<b>8</b>	<b>47</b>

## **4. Đối tượng đào tạo**

**4.1. Đối tượng tuyển sinh:** người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

### **4.2. Môn thi tuyển đầu vào:**

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng sau thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi 3 môn gồm:

- Môn cơ bản: Toán học;
- Môn cơ sở ngành: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô;
- Môn chuyên ngành: Quản trị tài chính doanh nghiệp.

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng chưa đủ 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi tuyển các môn văn hóa (khối thi tùy thuộc vào Chuyên ngành đào tạo) theo đề thi 3 chung trong kỳ thi tuyển sinh Đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm.

## **5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp**

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: thực hiện theo:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

## **6. Thang điểm**

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ học phần Giáo dục thể chất cấp chứng chỉ).

## **7. Nội dung chương trình**

Chương trình đào tạo Đại học liên thông Quản trị doanh nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc so sánh giữa chương trình đào tạo bậc Đại học và chương trình đào tạo bậc Cao đẳng đang áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ GTVT. Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

### 7.1. So sánh chương trình đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36 TC</b>	<b>28 TC</b>	<b>8 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>32 TC</b>	<b>26 TC</b>	<b>6 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
6	Tiếng Anh 1	4	4	
7	Tiếng Anh 2	4		4
8	Toán 1	4	4	
9	Toán 2	2		2
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	3	3	
11	Tin học đại cương	3	3	
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1 đvht	
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht	1 đvht	
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht		1 đvht
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht		1 đvht
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht	1 đvht	
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3 TC	3 TC	
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2 TC	2 TC	
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3 TC	3 TC	
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>4 / 8 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2
2	Tâm lý học đại cương	2	2	2
3	Soạn thảo văn bản	2	2	2
4	Đại cương về bảo hiểm	2	2	2
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>107 TC</b>	<b>79 TC</b>	<b>39 TC</b>
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>41 TC</b>	<b>32 TC</b>	<b>9 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>35 TC</b>	<b>30 TC</b>	<b>5 TC</b>
1	Kinh tế vi mô	3	3	
2	Kinh tế vĩ mô	3	3	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3	
4	Marketing căn bản	3	3	
5	Quản trị học	3	3	
6	Nguyên lý kế toán	3	3	
7	Tài chính - Tiền tệ	3	3	
8	Pháp luật kinh tế	3	3	
9	Kinh tế lượng	3		3
10	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	2	2	
11	Kế toán doanh nghiệp	4	4	
12	Văn hóa kinh doanh	2		2
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>6 / 12 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>	<b>4 / 12 TC</b>
1	Kinh tế xây dựng	2	2	2
2	Thương mại điện tử	2	2	2
3	Kinh tế quốc tế	2	2	2
4	Kinh tế vận tải	2	2	2
5	Kinh tế phát triển	2		2
6	Thị trường chứng khoán	2		2
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>46 TC</b>	<b>31 TC</b>	<b>18 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>40 TC</b>	<b>27 TC</b>	<b>16 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	3	3	
2	Thống kê kinh doanh	2	2	
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3	
4	Quản trị sản xuất 1	3	3	
5	Quản trị sản xuất 2	3	3	3
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	
7	Quản trị nhân sự	3	3	
8	Quản trị marketing	3	3	
9	Quản trị chất lượng	2	2	
10	Quản trị dự án đầu tư	3		3
11	Quản trị chiến lược	3		3
12	Quản trị doanh nghiệp	3		3
13	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	2		2
14	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	2	
15	Quản trị hành chính văn phòng	2		2
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>6 / 10 TC</b>	<b>4 / 8 TC</b>	<b>2 / 10 TC</b>
1	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	2
2	Tâm lý học trong quản trị	2	2	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
3	Quản trị rủi ro	2		2
4	Quản trị Logistic	2		2
5	Quản trị thương hiệu	2	2	2
6	Quản trị hành chính văn phòng		2	
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b>	<b>12 TC</b>	<b>12 TC</b>	<b>4 TC</b>
1	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1	4	4	
2	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2	4	4	
3	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
<b>II.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8 TC</b>	<b>4 TC</b>	<b>8 TC</b>
1	Khóa luận tốt nghiệp	8	4	8
	<b>Tổng số</b>	<b>143</b>	<b>107</b>	<b>47</b>

## 7.2. Tên và khối lượng các học phần

### 7.2.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 8 TC

Bao gồm 6 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 2 đvht) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>6 TC</b>
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
2	Toán 2	DC1CB18	2
3	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 8 TC</b>
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
2	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2
3	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2
4	Đại cương về bảo hiểm	DC1CB86	2

### 7.2.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 39 TC

#### 7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 9 TC

Bao gồm 5 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>5 TC</b>
1	Kinh tế lượng	DC2KV63	3
2	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4 / 12 TC</b>
1	Thương mại điện tử	DC2KV90	2
2	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2
3	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2
6	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2

**7.2.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 18 TC**

Bao gồm 16 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>16 TC</b>
1	Quản trị sản xuất - tài chính	DL3QT62	3
2	Quản trị dự án đầu tư	DC3QT68	3
3	Quản trị chiến lược	DC3QT63	3
4	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3
5	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	DC3QT52	2
6	Quản trị hành chính văn phòng	DC3QT53	2
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 10 TC</b>
1	Quản trị rủi ro	DC3QT69	2
2	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2
3	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2
4	Quản trị Logistic	DC3QT70	2
5	Quản trị thương hiệu	DC3QT71	2

**7.2.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (12 TC bắt buộc):**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4QT70	4
2	Khóa luận tốt nghiệp	DC4QT80	8

**7.3. Khung chương trình đào tạo**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>8</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
2	Toán 2	DC1CB18	2	30			
3	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
2	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2	30			
3	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2	30			
4	Đại cương về bảo hiểm	DC1CB86	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>39</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>9</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>				
1	Kinh tế lượng	DC2KV63	3	45			DC1CB18
2	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4/12</b>				
1	Thương mại điện tử	DC2KV90	2	30			
2	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2	30			
3	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2	30			
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2	30			
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2	30			
6	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>18</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>				
1	Quản trị sản xuất - tài chính	DL3QT62	3	45			
2	Quản trị dự án đầu tư	DC3QT68	3	45			
3	Quản trị chiến lược	DC3QT63	3	45			
4	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3	45			
5	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	DC3QT52	2			90	
6	Quản trị hành chính văn phòng	DC3QT53	2	30			



STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/10</b>				
1	Quản trị rủi ro	DC3QT69	2	30			
2	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2	30			
3	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2	30			
4	Quản trị Logistic	DC3QT70	2	30			
5	Quản trị thương hiệu	DC3QT71	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>				
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4QT70	4			180	
2	Khóa luận tốt nghiệp	DC4QT80	8			480	DC4QT70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>47</b>				

## 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ		
			I	II	III
<b>8.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>8</b>			
1	Tiếng Anh 2	4	4		
2	Toán 2	2	2		
3	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht	1		
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht	1		
5	Tự chọn 1	2	2		
<b>8.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>39</b>			
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>9</b>			
6	Kinh tế lượng	3	3		
7	Văn hóa kinh doanh	2	2		
8	Tự chọn 2	2		2	
9	Tự chọn 3	2		2	
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>18</b>			
10	Quản trị sản xuất - tài chính	3		3	
11	Quản trị dự án đầu tư	3		3	
12	Quản trị chiến lược	3		3	
13	Quản trị doanh nghiệp	3		3	
14	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	2		2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ		
			I	II	III
15	Quản trị hành chính văn phòng	2		2	
16	Tự chọn 4	2	2		
<b>8.2.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>			
17	Thực tập tốt nghiệp	4			4
18	Khóa luận tốt nghiệp	8			8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47</b>	<b>15</b>	<b>20</b>	<b>12</b>

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Quản trị doanh nghiệp liên thông từ Cao đẳng thuộc ngành Quản trị kinh doanh, được xây dựng dựa trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ Đại học cho những người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Quản trị doanh nghiệp; người học được sử dụng kết quả học tập đã có ở trình độ Cao đẳng để học tiếp trình độ Đại học;

- Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo lấy theo giáo trình hoặc bài giảng chuẩn nhà trường đã biên soạn cho hệ Đại học chính quy.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**